FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	3,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.4%	-3.2%	-

DT thuần

2024

3,695 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 374
▲ 11.3%

LN gộp

2024

116 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 34.2
▲ 41.4%

LN thuần

2024

15.6 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 4.50
▲ 40.6%

LN sau thuế

2024

6.06 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 3.45
▲ 132%

ROE

2024

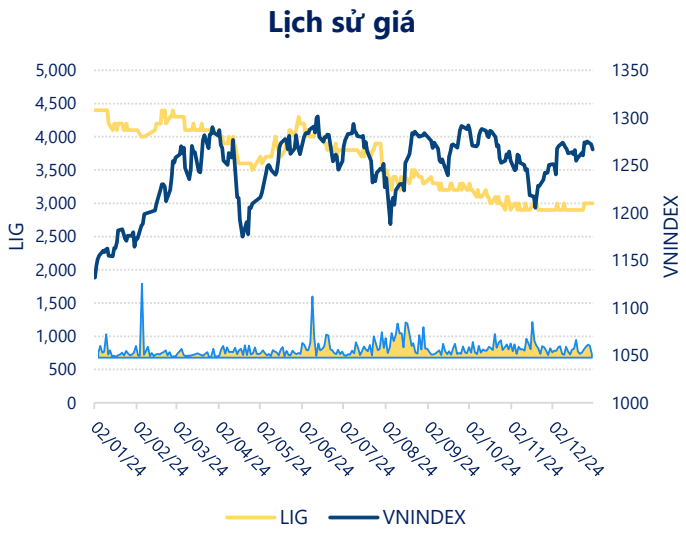
0.2%

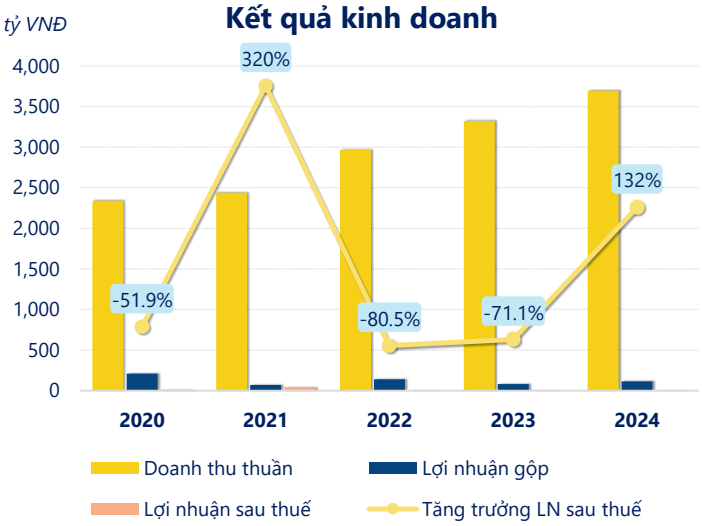
+/- YoY
▼ 0.1%

ROA

2024

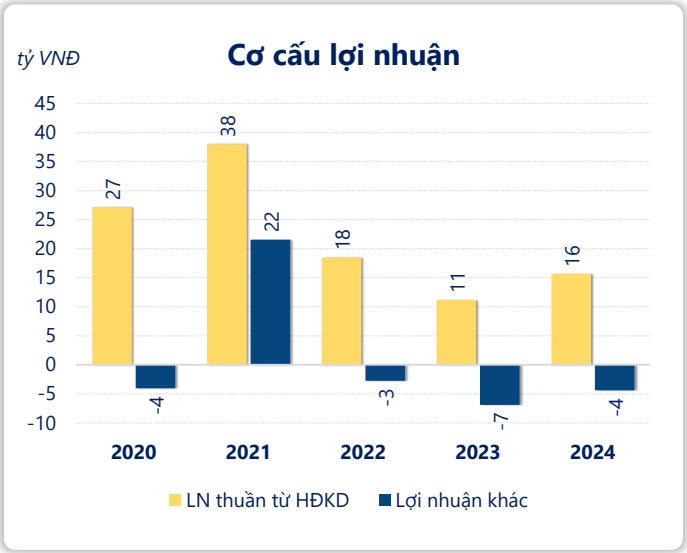
0.0%

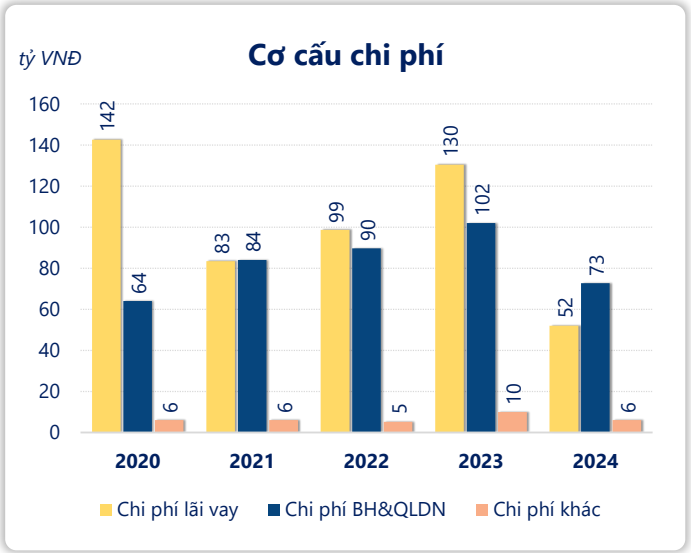




Năm **2024**, **LIG** ghi nhận doanh thu thuần **3,695** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **6.06** tỷ đồng, lần lượt **tăng 11.3%** và **tăng 132%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **0.16%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

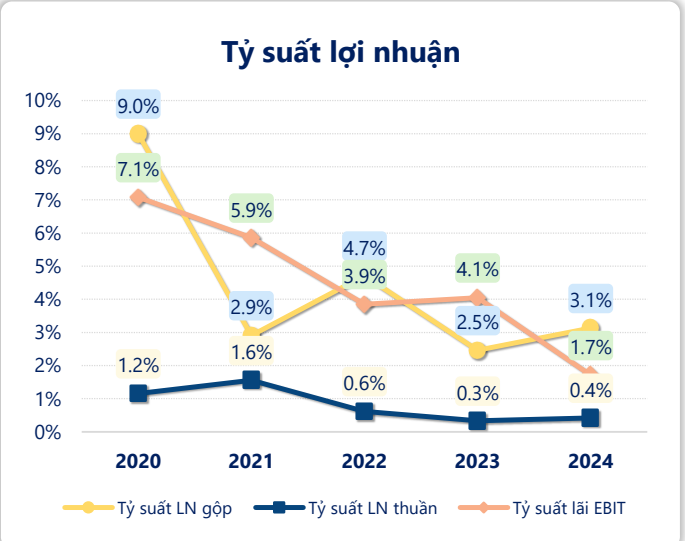


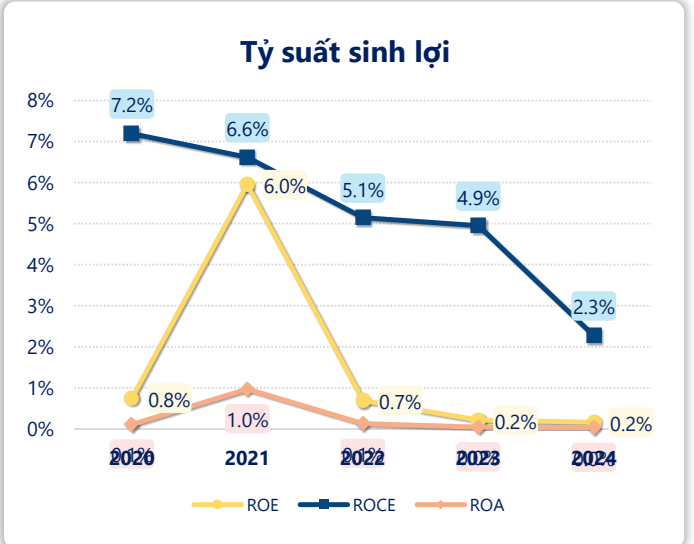


Năm **2024**, **LIG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **15.61** tỷ đồng, **tăng lên 4.51** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (22.05 tỷ đồng) là 6.44 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

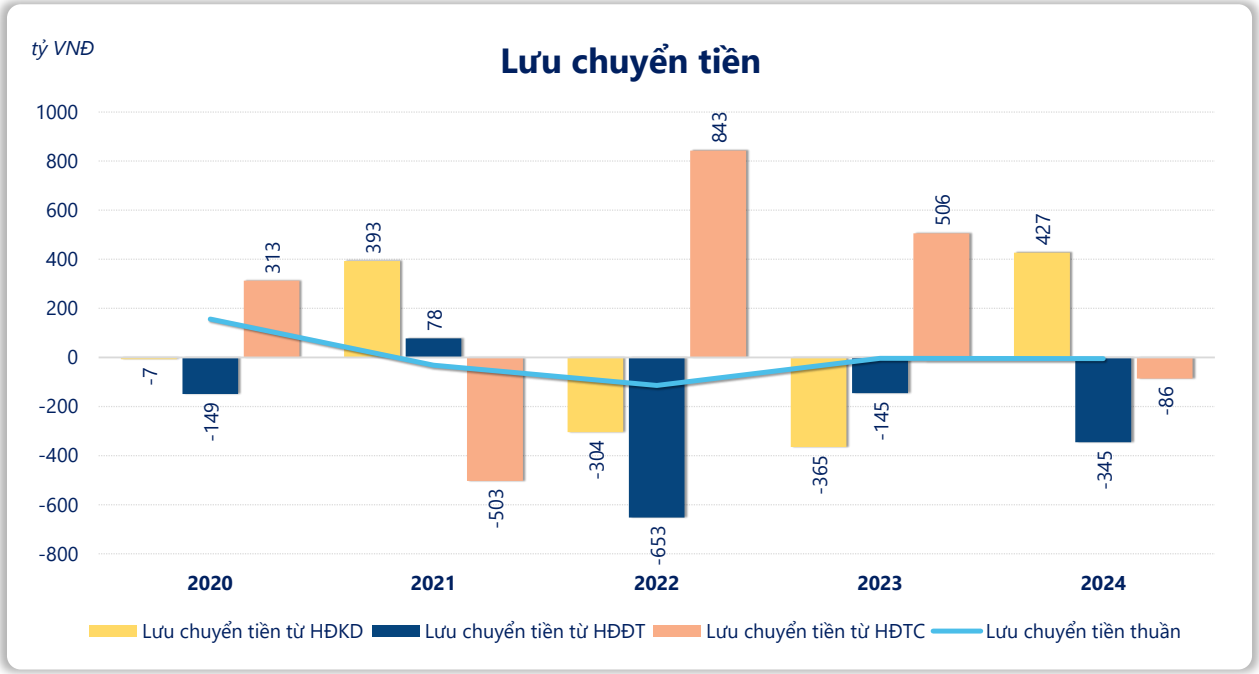
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **51.95** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **72.63** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **6.04** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của LIG năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **0.16%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**2,338**	**2,440**	**2,966**	**3,321**	**3,695**
Giá vốn hàng bán	2,128	2,369	2,826	3,240	3,579
Lợi nhuận gộp	**210**	**71.1**	**140**	**81.8**	**116**
Doanh thu HĐTC	40.4	134	67.0	316	70.6
Chi phí TC	160	83.5	98.6	285	104
Chi phí lãi vay	**142**	**83.5**	**98.6**	**130**	**52.0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	6.34
Chi phí bán hàng	0.71	6.97	4.12	2.56	0
Chi phí QLDN	63.3	77.1	85.6	99.4	72.6
LN thuần từ HĐKD	**27.1**	**38.0**	**18.4**	**11.1**	**15.6**
Lợi nhuận khác	-4.06	21.5	-2.76	-6.90	-4.38
LN trước thuế	**23.0**	**59.5**	**15.7**	**4.21**	**11.2**
Lợi nhuận sau thuế	**11.0**	**46.3**	**9.03**	**2.61**	**6.06**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.31**	**51.2**	**7.58**	**2.92**	**2.09**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của LIG bằng **-4.30** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (-3.91 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **427.1** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-345.3** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-86.14** tỷ đồng.